

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ

T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Ngà

2. Ông Lương Văn Kế

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà: Bà Đào Ngọc Dung, Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở UBND xã D.C, Toà án nhân dân huyện T.L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2017/HSST ngày 14 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐỨC T, sinh năm 1986; HKTT và chỗ ở: Số 200 H.C, phường H.C, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: trồng trọt; con ông Nguyễn Đức S và bà Phạm Thị O; có vợ Bùi Thị T và có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: chưa;

Nhân thân:

+ Ngày 01/3/2008 bị Công an thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích. Ngày 08/7/2008 T đã chấp hành xong.

+ Ngày 30/6/2008 bị Công an thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích. Ngày 17/02/2009 T đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ 27/6/2017 đến 30/6/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***

- Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1970. *Vắng mặt.*

Trú tại: Số nhà 10, ngõ 270, đường P. N. L, thị trấn V, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên

(Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hưng Yên trong một vụ án khác)

- Anh Phạm Văn C, sinh năm 1987. *Có mặt.*

Nơi sinh: Xã T. S, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên.

HKTT: Đội 1, thôn N .T, phường H.C, thành phố H. Y, tỉnh Hưng Yên

-Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1954. *Vắng mặt.*

Quê quán: Xã P. K, huyện H. H, tỉnh Thái Bình

HKTT: Buôn K, xã E B, huyện S. H, tỉnh Phú Yên

-Anh Lào Văn B, sinh năm 1989. *Vắng mặt.*

Số 50, đường T.Y, phường H. B, thành phố V, tỉnh Nghệ An

-Bà Phạm Thị O, sinh năm 1967. *Vắng mặt.*

Trú tại: Số nhà 200, đường H.C, phường H.C, thành phố H. Y, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 30/11/2016 Nguyễn Hữu H mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Joing màu bạc, biển số 37B2-042.52 của ông Nguyễn Mạnh T để đi có việc. Sau khi giải quyết công việc xong, do cần tiền nên H đến nhà anh Vũ Tất T, sinh năm 1983, trú tại số nhà 189, đường Đ. T, phường Q. T, thành phố H. Y để vay số tiền 1.500.000 đồng rồi gửi xe lại làm tin. Đến chiều ngày 01/12/2016 H đến bàn với Phạm Văn C sinh năm 1987 trú tại N.T, H.C, thành phố H.Y trả tiền cho anh Vũ Tất T rồi mang chiếc xe trên đi cầm ở chỗ khác được giá cao hơn. C biết rõ chiếc xe trên là do H mượn của bạn mang đi cầm nhưng vẫn đồng ý. C đến nhà Nguyễn Đức T nói cho T biết việc H mượn xe của bạn tự ý mang đi cầm nay cần tiền lấy xe ra để đi cầm chỗ khác cao hơn và hỏi vay T 800.000 đồng. T đưa tiền cho C và hỏi C có chỗ cầm xe chưa thì C nói là có chỗ cầm rồi, khi nào cầm được xe thì C sẽ mang tiền đến trả cho T. C đi được một lúc thì gọi điện cho T để vay tiếp 300.000 đồng. T mang tiền lên gần nhà anh Vũ Tất T để đưa cho C rồi đi về nhà ngủ. Đến khoảng 09 giờ ngày 02/12/2016, C mang chiếc xe đến nhà Nguyễn Đức T và nói với T là xe không có giấy tờ, không cầm được xe nên chưa có tiền trả. Do trước đó, C vay T số tiền 1.800.000 đồng nên C cầm xe cho T để trừ nợ. T đồng ý nhận cầm chiếc xe trên với giá 2.000.000 đồng và trừ số tiền C nợ thì T đưa lại cho C 200.000 đồng. C nhận tiền rồi bỏ đi.

Ngày 04/12/2016, khi Nguyễn Đức T đi chiếc xe trên vào quán bán cá tại đường L.Đ. K, thành phố H.Y thì gặp ông T đang đi tìm xe. Ông T nói cho T biết chiếc xe trên là của ông T cho H mượn từ ngày 30/11/2016 đến nay chưa trả. T nói xe này là do H cầm cho T với giá 2.500.000 đồng, nếu H và C mang tiền đến thì T mới trả xe. Ông T không nói gì và đi về. Do sợ bị phát hiện nên T tháo biển số xe cắt vào cốp xe và đến ngày 09/12/2016 T bán chiếc xe trên cho chị Q, sinh năm 1982, quê ở Bắc Giang (không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) với giá 4.500.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-DG ngày 28/12/2016 trong tố tụng hình sự huyện T.L định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Joing, sơn màu bạc, số máy QMIA-07M00320 trị giá 13.000.000 đồng.

Ngày 12/12/2016 bà Phạm Thị O (mẹ đẻ T) đã chuộc lại chiếc xe trên của một người thanh niên (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) với giá 6.000.000 đồng và giao nộp chiếc xe mô tô biển số 37B2-04252 cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.L. Bà O không yêu cầu gì về dân sự, hình sự đối với T. Ngày 21/4/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.L đã trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là anh Lào Văn B, sinh năm 1989 ở T. K - Nghệ An. Anh B đã nhận lại xe và không yêu cầu gì về hình sự, dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 23/8/2017, TAND huyện T.L đã xử phạt Nguyễn Hữu H 01 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; xử phạt Phạm Văn C 01 năm tù cho hưởng án treo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức T thành khẩn nhận tội, khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.L đã truy tố, nay bị cáo nhận thức rõ sai phạm của bản thân và đề nghị Tòa án xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương

Tại bản cáo trạng số 21/QĐ-VKS-HS, ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.L đã truy tố Nguyễn Đức T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố của mình và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Về tội danh và hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 BLHS, Nghị quyết 41/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự xử phạt Nguyễn Đức T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo cho UBND phường H.C, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo T trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Nguyễn Đức T số tiền 2.500.000đ là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS và điểm c khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Buộc bị cáo T phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T.L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T.L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức T tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đơn đề nghị và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh T, anh Lào Văn B, anh Nguyễn Hữu H, anh Phạm Văn C, bà Phạm Thị O và những người làm chứng anh Lương Minh T; anh Lào Văn Q...; biên bản thu giữ vật chứng; bản kết luận định giá tài sản cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án...Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 09 giờ sáng ngày 02/12/2016, Nguyễn Đức T biết rõ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại Joing, sơn màu bạc, số máy QMIA-07M00320, trị giá 13.000.000đ là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn nhận cầm cố của Phạm Văn C với giá 2.000.000đ và bán cho chị Q (không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) với giá 4.500.000đ để hưởng lợi. Bị cáo nhận thức rõ việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.L đã truy tố.

Xét hành vi của bị cáo đã phạm vào tội ít nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong xã hội, thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2008 bị xử phạt vi phạm hành C hai lần về hành vi cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm h,p khoản 1 Điều 46 BLHS. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Đức S được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba và có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; sau khi phạm tội và bỏ trốn, bị cáo đã ra đầu thú để hưởng sự khoan hồng của pháp luật nên bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, tính chất hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn được UBND phường nơi cư trú xác nhận và đề nghị Toà án tạo điều kiện giúp đỡ. Mặc dù bị cáo có nhân thân xấu nhưng theo quy định tại điểm b8 khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thì bị cáo vẫn thuộc một trong các trường hợp đủ điều kiện xem xét cho hưởng án treo. Do đó, HĐXX không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật cũng đủ sức giáo dục răn đe riêng và phòng ngừa tội phạm chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.L tại phiên toà.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 250 BLHS thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này. Tuy nhiên, theo cung cấp của chính quyền địa phương và gia đình thì bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp khoảng 1.000.000đ/tháng và có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Hữu H và Phạm Văn C đã bị TAND huyện T.L xét xử bằng bản án số 22/2017/HSST ngày 23/8/2017.

Đối với đối tượng Q, quê ở Bắc Giang là người mua xe của T và người thanh niên mang chiếc xe trên đến cho bà O chuộc đều không rõ, tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh các đối tượng trên là phù hợp quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị O là người đã chuộc lại chiếc xe máy trên từ người thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ với số tiền 6.000.000đ. Bà O không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của T và không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[5].Về biện pháp tư pháp: Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Đức T nhận cầm cố của anh Phạm Văn C chiếc xe máy với giá 2.000.000đ, sau đó bán lại cho chị Q với giá 4.500.000đ. Bị cáo được hưởng lợi 2.500.000đ và đã sử dụng hết số tiền này. Xét đây là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.500.000đ của bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS và điểm c khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

[6].Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Vật chứng do cơ quan điều tra đã thu giữ là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại Joing, sơn màu bạc, số máy QMIA-07M00320. Quá trình điều tra đã xác định ông T thuê của anh Lào Văn B để sử dụng. Ngày 21/4/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.L đã trả lại chiếc xe trên cho anh B. Anh B, ông T không có yêu cầu, đề nghị gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.L tại phiên toà về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các vấn đề khác là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự

3. Xử phạt Nguyễn Đức T **01** năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **02** năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H.C, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo T trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Đức T

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu của bị cáo Nguyễn Đức T số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) sung công quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan THADS ra quyết định thi hành về khoản tiền truy thu, nếu bị cáo không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn C; vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Những người có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

